



# 當代 中文 課程

Giáo trình  
tiếng Trung  
đương đại

Sách giáo khoa 課本

2

國立臺灣師範大學國語教學中心 策劃

Trung tâm đào tạo tiếng Trung của Đại học Sư phạm Quốc gia Đài Loan

主編 / 鄧守信 編寫教師 / 王慧娟、孫懿芬、劉崇仁



# 當代 中文 課程

Giáo trình  
tiếng Trung  
đương đại

Sách giáo khoa 課本

2

國立臺灣師範大學國語教學中心 策劃

Trung tâm đào tạo tiếng Trung của Đại học Sư phạm Quốc gia Đài Loan

主編 / 鄧守信 編寫教師 / 王慧娟、孫懿芬、劉崇仁

Bài học	Nội dung & Chủ đề	Mục tiêu học tập
6 Minh định chuyến đến gần trường	Chuyến nhà	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách nói về môi trường sống.</li> <li>2. Học cách nói về tiền thuê và thương lượng tiền thuê.</li> <li>3. Học cách mô tả các vật thể chuyển động.</li> <li>4. Học cách hỏi và trả lời các câu hỏi giả định.</li> </ol>
7 Xe chở rác đến rồi!	Môi trường sống	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách bày tỏ quan điểm về những điều và sự kiện mới.</li> <li>2. Học cách nói về sự khác biệt văn hóa.</li> <li>3. Học cách đưa ra lời khuyên và báo về những hậu quả có thể xảy ra.</li> <li>4. Học cách sử dụng bộ ngữ xu hướng để diễn đạt.</li> </ol>
8 Học võ thuật	Hoạt động giải trí	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách nói về sở thích của bản thân.</li> <li>2. Học cách đưa ra lời mời.</li> <li>3. Học cách chấp nhận hoặc từ chối lời mời.</li> <li>4. Học cách thể hiện cảm giác của bản thân.</li> </ol>
9 Thành phố ấy thật đẹp	Môi trường quốc gia	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách so sánh hai nơi khác nhau.</li> <li>2. Học cách mô tả những gì đã thấy trong chuyến du lịch.</li> <li>3. Học cách thể hiện những nhìn nhận của bản thân về sự khác biệt văn hóa.</li> <li>4. Học cách kể lại những trải nghiệm hoặc con người khó quên.</li> </ol>
10 Hoan nghênh đến nhà cô gói bánh chéo	Giao tiếp	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách giải thích về cách làm một món ăn.</li> <li>2. Học cách nói về các thành phần.</li> <li>3. Học cách giới thiệu các món ăn ở đất nước của mình.</li> <li>4. Học cách thể hiện sự ngạc nhiên.</li> </ol>

Bài học	Nội dung & Chủ đề	Mục tiêu học tập
<b>11</b> Nơi thú vị ở Đài Loan thật nhiều	Du lịch	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách nói về kế hoạch du lịch.</li> <li>2. Học cách nói về các danh lam thắng cảnh, vị trí của chúng và môi trường xung quanh.</li> <li>3. Học cách mô tả và nêu được điều đặc biệt của phong cảnh.</li> <li>4. Học cách bày tỏ sự hài lòng và thất vọng.</li> </ol>
<b>12</b> Ăn như thế nào mới khỏe mạnh?	Văn hóa ẩm thực	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách nói về thói quen ăn uống của bản thân và phong tục ăn uống ở đất nước mình.</li> <li>2. Học cách nói về những khía cạnh tốt và xấu của một sự kiện hoặc tình huống.</li> <li>3. Học cách đưa ra những gợi ý về ăn uống lành mạnh.</li> <li>4. Học cách nói về các mùi vị khác nhau của thức ăn và cách chế biến thức ăn.</li> </ol>
<b>13</b> Di động của mình mất rồi	Mạng Internet và đời sống	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách diễn đạt và đáp lại lời khuyên.</li> <li>2. Học cách diễn đạt tần suất sự việc.</li> <li>3. Học cách đưa ra giải pháp cho các vấn đề.</li> <li>4. Học cách đưa ra mệnh lệnh.</li> </ol>
<b>14</b> Chị sắp bắt đầu tìm việc	Kế hoạch tương lai	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách nói về học tập và lối sống của bản thân.</li> <li>2. Học cách nói về tương lai và kế hoạch tương lai của bản thân.</li> <li>3. Học cách nói về kế hoạch và kỳ vọng nghề nghiệp của bản thân.</li> <li>4. Học cách nói về nền tảng giáo dục của bạn bè và kế hoạch tương lai.</li> </ol>
<b>15</b> Ăn Tết	Ngày lễ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Học cách bày tỏ sự chào đón và cách tiếp chuyện với những vị khách đến thăm.</li> <li>2. Học cách giải thích truyền thống tết Nguyên đán.</li> <li>3. Học cách nói và hiểu lời chúc Tết.</li> <li>4. Học cách diễn đạt kết quả là bắt đầu một hành động.</li> </ol>

**Ngữ pháp**

**Văn hóa Trung Hoa**

1. Khác với 其他的 qítā de, 別的 biéde và 另外的 língwài de
2. Động lượng từ 下 xià, 趟 tàng, 遍 biàn, 次 cì
3. Sau đó với 然後 ránhòu, 後來 hòulái và 以後 yǐhòu
4. 才 cái mới
5. Câu bị động với 被 bèi
6. Lặp lại Động từ trong V 了 le V
7. Bỏ ngữ kết quả Tiếp xúc với 上 shàng

Tín ngưỡng dân gian ở Đài Loan

1. 讓 ràng khiến, để, làm (cho), cho
2. 快一點 kuài yídiǎn mau lên
3. Bỏ ngữ kết quả Đề cập với 起 qǐ
4. 只要 zhǐyào... 就 jiù... chỉ cần, miễn là...
5. 越 yuè... 越 yuè... càng... càng...
6. Tương phản trong Chủ đề

Ăn chay ở Đài Loan

1. Bỏ ngữ kết quả Không lặp với V + 過 guò
2. Bỏ ngữ kết quả Ra xa với 走 zǒu
3. Câu mệnh lệnh với 叫 jiào
4. 別再 bié zài... 了 le đừng ... nữa
5. Tương lai Tin chắc với 會 huì... 的 de
6. 透過 tòuguò... thông qua...
7. 才 cái... 就 jiù... vừa mới..., mà... đã...
8. Tần suất với 每 měi + Thời gian
9. 只有 zhǐyǒu..., 才 cái... chỉ có..., mới...

“Tộc cú đầu” ở Đài Loan

1. 就要 jiù yào... 了 le (đã/là) sắp ... rồi
2. 說到 shuōdào/談到 tándào... nói đến...
3. 對 duì A 有 yǒu B có B cho/với/đến/trong A
4. 連 lián... 都 dōu... đến... cũng...
5. 不但 búdàn..., 而且 érqiě... không những..., mà còn...
6. Không chú ý với Câu chữ 把 bǎ

Khoa cử và coi trọng bằng cấp ở Đài Loan

1. Giới từ 到 dào sau Động từ đến
2. 一 M 一 M từng M một, từng M từng M
3. Tăng cường một Trạng thái với 一 M 比 一 M mỗi M một, ngày càng, mỗi M ngày càng
4. Bỏ ngữ xu hướng kép mở rộng: Bắt đầu với 起來 qǐlái
5. Cụm bốn chữ 四字格 sízìgé

Những món cá tưng trong ngày Tết ở Đài Loan

### Danh sách Bảng từ loại tiếng Trung

Ký hiệu	Từ loại	八大詞類	Ví dụ
N	Danh từ	名詞	水、五、昨天、學校、他、幾
V	Động từ	動詞	吃、告訴、容易、快樂、知道、破
Adv	Trạng/Phó từ	副詞	很、不、常、到處、也、就、難道
Conj	Liên từ	連詞	和、跟、而且、雖然、因為
Prep	Giới từ	介詞	從、對、向、跟、在、給
M	Lượng từ	量詞	個、張、碗、次、頓、公尺
Ptc	Trợ từ	助詞	的、得、啊、嗎、完、掉、把、喂
Det	Từ hạn định	限定詞	這、那、某、每、哪

### Phân loại Động từ

Ký hiệu	Phân loại	動詞分類	Ví dụ
V	ngoại động từ hành động	及物動作動詞	買、做、說
Vi	nội động từ hành động	不及物動作動詞	跑、坐、睡、笑
V-sep	nội động từ hành động, ly hợp	不及物動作離合詞	唱歌、上網、打架
Vs	nội động từ trạng thái	不及物狀態動詞	冷、高、漂亮
Vst	ngoại động từ trạng thái	及物狀態動詞	關心、喜歡、同意
Vs-attr	nội động từ trạng thái, chỉ làm thuộc ngữ	唯定不及物狀態動詞	野生、公共、新興
Vs-pred	nội động từ trạng thái, chỉ làm vị ngữ	唯謂不及物狀態動詞	夠、多、少
Vs-sep	nội động từ trạng thái, ly hợp	不及物狀態離合詞	放心、幽默、生氣
Vaux	trợ động từ	助動詞	會、能、可以
Vp	nội động từ quy trình	不及物變化動詞	破、感冒、壞、死
Vpt	ngoại động từ quy trình	及物變化動詞	忘記、變成、丟
Vp-sep	nội động từ quy trình, ly hợp	不及物變化離合詞	結婚、生病、畢業

### Giá trị mặc định của các ký hiệu

Ký hiệu	Giá trị mặc định
V	hành động, ngoại động từ
Vs	trạng thái, nội động từ
Vp	quy trình, nội động từ
V-sep	ly hợp, nội động từ

# 課堂 用語

## Cụm từ dùng trong lớp học

- 1 上課了。
- 2 請打開書。
- 3 請看第五頁。
- 4 我說，你們聽。
- 5 請跟我說。
- 6 請再說 / 念一次。
- 7 請回答。
- 8 請問，這個字怎麼念 / 寫？
- 9 對了！
- 10 不對。
- 11 請念對話。
- 12 請看黑板。
- 13 懂不懂？
- 14 懂了！
- 15 有沒有問題？
- 16 很好！
- 17 下課。



# 人物 介紹

## Giới thiệu nhân vật

李明華



Lý Minh Hoa đến từ Đài Bắc, Đài Loan.  
Nam, 32 tuổi, độc thân.

Anh làm việc cho một ngân hàng. Anh đã từng làm việc ở Việt Nam 6 tháng và là người quen của bố Trần Nguyệt Mỹ - người đã giao trọng trách chăm sóc con gái cho Minh Hoa. Họ đã gặp nhau ở sân bay.

陳月美



Trần Nguyệt Mỹ đến từ Hà Nội, Việt Nam.  
Nữ, 22 tuổi.

Cô đi du lịch đến Đài Loan với bạn của cha cô - Vương Khai Văn. Họ được Minh Hoa - người Đài Loan mà bố cô ấy quen, đón tại sân bay. Cô là sinh viên. Như Ngọc và An Đồng là bạn cùng lớp của cô.

白如玉



Bạch Như Ngọc đến từ Niu Oóc, Mỹ (New York, USA).  
Nữ, 21 tuổi.

Cô là sinh viên. Nguyệt Mỹ và An Đồng là bạn cùng lớp với cô.

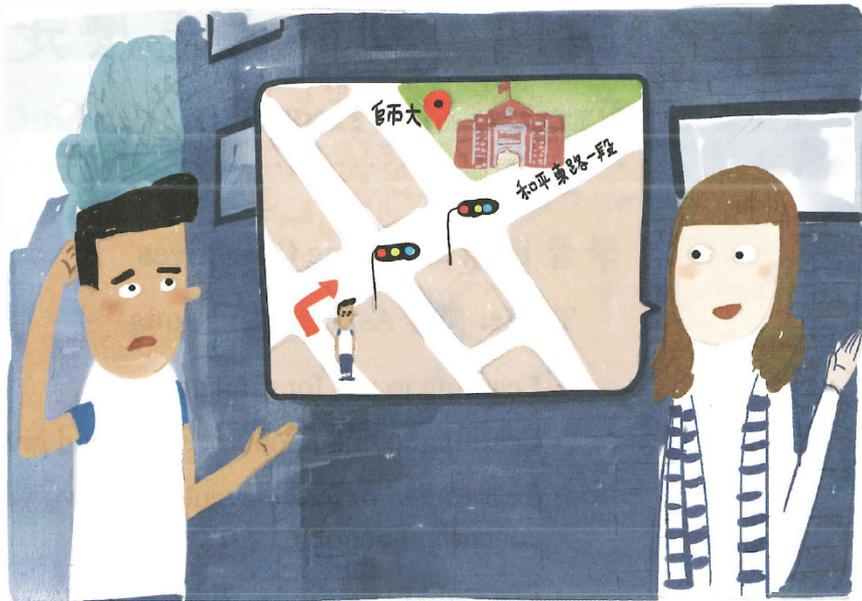
BÀI  
1

# 請問，到師大怎麼走？

Cho hỏi đến Sư Đại thì đi thế nào?

對話 Hội thoại

01-01



- 路 人：你需要我幫忙嗎？  
安 同：我好像迷路了。  
路 人：你要去哪裡？  
安 同：請問，到師大怎麼走？  
路 人：你從這裡往前走，到了下一個路口，右轉——  
安 同：右轉就到了嗎？聽起來不遠。  
路 人：還沒到！你右轉以後，是和平東路一段，再往前一直走，過了第二個紅綠燈，就看見師大了。  
安 同：謝謝，我知道了。  
路 人：你的中文很好。

BÀI  
2

# 還是坐捷運吧！

Tốt hơn là nên đi tàu điện đi!

對話 Hội thoại

02-01



- 如 玉：安同，早！你要去哪裡？  
安 同：早！我約了朋友一起去看電影，你呢？  
如 玉：我要去看電腦展。  
安 同：你去哪裡看電腦展？  
如 玉：世貿展覽館，我現在要去對面坐公車。  
安 同：那裡離台北 101 不遠，妳怎麼不坐捷運呢？  
如 玉：朋友告訴我公車直接到展覽館，不必換車。  
安 同：坐捷運也很方便。妳先坐 2 號線到台北車站，再換車到展覽館。

## 課室活動 Hoạt động lớp học

### I. Hỏi và Cung cấp Thông tin về Phương tiện giao thông

**Mục tiêu:** Hỏi và chỉ đường khi sử dụng các phương tiện công cộng.

**Nhiệm vụ:** Ghép cặp với một bạn cùng lớp và thay phiên nhau hỏi, chỉ đường về cách sử dụng phương tiện giao thông công cộng từ điểm xuất phát đến điểm đến. Người nhận được thông tin nên lặp lại các chỉ dẫn. Khi cả hai đều hoàn thành, hãy ghi lại các chỉ dẫn được đưa ra.



#### Mẫu câu

- 1 到…，坐捷運應該怎麼坐？
- 2 先從…坐往…。
- 3 到了…，再換車，搭…。
- 4 坐…站，…就到了。

台北捷運路線圖 (越南文版)



表 10-1 台北捷運各站點間之搭乘指示

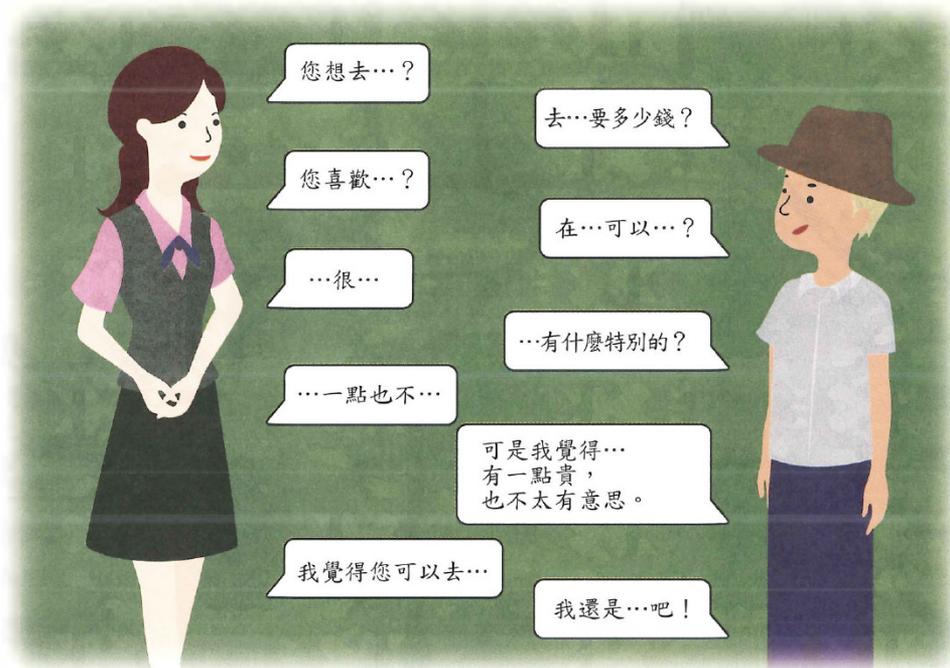
	起點	目的地	搭乘指示
範例	台北車站	南京復興	先從台北車站坐往南港展覽館的 5 號線，到了忠孝復興站，再換車，搭往南港展覽館的 1 號線，坐一站，南京復興站就到了。
路線一	善導寺	淡水老街	
路線二	北投	台北動物園	
路線三	公館	南港展覽館	
路線四			

## II. Trò chơi nhập vai

**Mục tiêu:** Đưa ra quyết định sau khi thực hiện so sánh dựa trên thông tin đã cho.

**Nhiệm vụ:** Ghép cặp với một bạn cùng lớp và lần lượt đóng vai A và B.

**Kịch bản:** A muốn đi du lịch nước ngoài và tìm đến một đại lý du lịch để nhờ giúp đỡ. Đại lý du lịch B giới thiệu ba gói du lịch khác nhau cho A. A đặt câu hỏi dựa trên nhu cầu của mình và quyết định gói nào là tốt nhất.



地點：香港 Hông Kông	地點：日本北海道	地點：泰國 Thái Lan
時間：三天兩夜	時間：五天四夜	時間：五天四夜
飛機： 10：00 sáng (去) 8：00 tối (回)	飛機： 10：00 sáng (去) 10：00 sáng (回)	飛機： 7：00 tối (去) 8：00 sáng (回)
費用：25,000	費用：57,000	費用：32,000
活動： 買東西、吃香港小吃	活動： 滑雪、做 SPA	活動： 游泳、買東西

### III. Đề xuất hoặc cảnh báo

**Mục tiêu:** Sử dụng tiếng Trung để nhắc nhở hoặc cảnh báo người khác.

**Nhiệm vụ:** Hãy xem các tình huống sau và suy nghĩ về các cảnh báo hoặc đề xuất mà bạn có thể đưa ra. Bạn có thể sử dụng cấu trúc:

V+Vs 一點

Mẫu



## 文化 Văn hóa

## Thông báo đa ngôn ngữ của tàu điện Đài Bắc

Những người lần đầu đi tàu điện luôn bị cuốn hút, cảm thấy khó hiểu và có chút thích thú trước những thông báo đa ngôn ngữ. Trước khi được nghe bằng tiếng Anh, tên nhà ga được thông báo trên loa tàu điện bằng tiếng Quan Thoại, tiếng Mân Nam và tiếng Khách Gia.

Vậy tại sao tên các ga tàu điện lại được phát bằng 4 thứ tiếng khác nhau? Đầu tiên, chính quyền thành phố nhận ra rằng Đài Bắc đang ngày càng được quốc tế hóa, vì vậy tiếng Anh - ngôn ngữ quốc tế là một điều cần thiết. Ngoài ra, có đến ba phương ngữ tiếng Trung khác nhau sống ở khu vực Đài Bắc và thành phố đã xem xét nhu cầu của họ. Tuy nhiên, một số người cảm thấy rằng việc sử dụng bốn ngôn ngữ là không cần thiết, chỉ cần thông báo bằng tiếng Quan Thoại và tiếng Anh là đủ. Rốt cuộc, gần như tất cả người Đài Loan đều hiểu tiếng Quan Thoại và tiếng Anh đáp ứng được nhu cầu của hầu hết du khách nước ngoài. Nhưng cần thiết hay không thì các thông báo đa ngôn ngữ hiện là một nét đặc trưng của tàu điện Đài Bắc.



▲ Thông báo được đưa ra bằng nhiều ngôn ngữ trong các ga tàu điện

Nguồn ảnh: Công ty đường sắt đô thị Đài Bắc (MRT - Taipei Mass Rapid Transit) 授權攝影：台北大眾捷運股份有限公司